

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày: 30-09-2022

V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Bôn
Ông Nguyễn Văn Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2022 và Thông báo số 92/TB-TA ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Công ty TNHH Mua bán nợ G**; Địa chỉ: đường D1, phường L, thành phố T, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr; chức danh: giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Đinh Quốc T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Hồ Phi T, phường H, quận C, thành phố Đ (*Theo Văn bản ủy quyền số 01/UQTA-GLX.22 ngày 01/04/2022 của giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ G và Văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ-SL ngày 01/7/2022 của Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV S*). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện V, thành phố Đ (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Quốc T trình bày:

Vào ngày 07/10/2017 ông Nguyễn Hữu T có ký hợp đồng tín dụng số 20171010-0012095 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V vay số tiền

26.375.000đ (*Hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.614.432 đồng (*gồm cả gốc và lãi*), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.685.861 đồng, tháng cuối cùng trả 1.839.629 đồng. Bắt đầu từ ngày 12/11/2017. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V 13 lần với tổng số tiền đã trả 22.015.000 đồng. Kể từ ngày 17/01/2020 đến nay, ông Nguyễn Hữu T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp lần nhắc nhở. Ngày 30/3/2021, khoản nợ của ông Nguyễn Hữu T đã được Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (Nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-003”.

Là đại diện của Công ty TNHH Mua bán nợ G, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền 18.599.432đ (*Mười tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*); trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/10/2019 là: 12.358.286 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/10/2019 là 6.241.146 đồng. Công ty không yêu cầu tính lãi từ ngày 13/10/2019 đến nay.

* Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T không giao nộp tài liệu chứng cứ và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Mua bán nợ G về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T. Buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền: 18.599.432đ (*Mười tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*); trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/10/2019 là: 12.358.286 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/10/2019 là 6.241.146 đồng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về pháp luật áp dụng:* Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (đơn đề nghị) số 20171010-0012095 ngày 06/10/2017 của ông Nguyễn Hữu T về việc đề nghị Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V cho vay tiêu dùng; ngày 10/10/2017 Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V đã duyệt cho ông T vay tiền. Ngày 30/3/2021 Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (Nay là Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V) và Công ty TNHH Mua bán nợ G có lập hợp đồng mua bán nợ, trong đó có khoản nợ của ông Nguyễn Hữu T. Hợp đồng được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V với ông T là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các bên có tranh chấp, Công ty Mua bán nợ G khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là Công ty TNHH Mua bán nợ G khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T có địa chỉ tại thôn A, xã S, huyện V, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đình Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Hữu T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của đại diện nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Về nội dung:* Theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (đơn đề nghị) số 20171010-0012095 ngày 06/10/2017 của ông Nguyễn Hữu T; ngày 10/10/2017 Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V ký duyệt đồng ý cho ông T vay tiền, mục đích để tiêu dùng cá nhân đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Theo đại diện nguyên đơn trình bày, trong quá trình sử dụng vốn vay, ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết theo đơn đề nghị số 20171010-0012095 ngày 06/10/2017. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả số tiền 18.599.432đ (*Mười tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*); trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/10/2019 là: 12.358.286 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/10/2019 là 6.241.146 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Do bị đơn là ông Nguyễn Hữu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, bị đơn là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến 12/10/2019 là 18.599.432đ là có căn cứ, phù hợp với Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (đơn đề nghị) số 20171010-0012095 ngày 06/10/2017, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Do đó, cần buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền 18.599.432đ (*Mười tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*); trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/10/2019 là: 12.358.286 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/10/2019 là 6.241.146 đồng.

[6] Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét đến ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu T phải chịu theo giá ngạch 18.599.432 đồng x 5% = 929.971 đồng.

[8] Hoàn trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Mua bán nợ G về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T.

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền: 18.599.432đ (*Mười tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*); trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/10/2019 là: 12.358.286 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/10/2019 là 6.241.146 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không

đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu 929.971đ (*Chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi một đồng*).

3. Hoàn trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền 465.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004518 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đức Thiện